

Nội dung hướng dẫn giải Unit 10 Lesson 2 Global Success Kết nối tri thức trang 70 được chúng tôi biên soạn bám sát nội dung lý thuyết và bài tập bộ sách Tiếng Anh lớp 3 chương trình mới. Hy vọng đây sẽ là tài liệu tham khảo hữu ích giúp các em học tốt môn Tiếng Anh 3.

**Tiếng Anh 3 KNTT Unit 10 Lesson 2**

**1. Look, listen and repeat.**

(Nhìn, nghe và lặp lại.)



**Lời giải chi tiết:**

**a.** What do you do at break time? (Bạn làm gì vào giờ giải lao?)

I play football. (Tôi chơi bóng đá.)

**b.** What do you do at break time? (Bạn làm gì vào giờ giải lao?)

I play badminton. (Tôi chơi cầu lông.)

**2. Listen, point and say.**

(Nghe, chỉ và nói.)



**Phương pháp giải:**

- What do you do at break time? (Bạn làm gì vào giờ giải lao?)

I \_\_\_\_\_. (Tôi \_\_\_\_\_.)

**Lời giải chi tiết:**

**a.** What do you do at break time? - I play word puzzles.

(Bạn làm gì vào giờ giải lao? - Tôi chơi giải ô chữ.)

**b.** What do you do at break time? - I chat with my friends.

(Bạn làm gì vào giờ giải lao? - Tôi tán gẫu với các bạn của tôi.)

**c.** What do you do at break time? - I play football.

(Bạn làm gì vào giờ giải lao? - Tôi chơi bóng đá.)

d. What do you do at break time? - I play table tennis.

(Bạn làm gì vào giờ giải lao? - Tôi chơi bóng bàn.)

### 3. Let's talk.

(Chúng ta cùng nói.)



#### Phương pháp giải:

What do you do at break time? (Bạn làm gì vào giờ giải lao?)

#### Lời giải chi tiết:

+ What do you do at break time? - I play football.

(Bạn làm gì vào giờ giải lao? - Tôi chơi đá bóng.)

+ What do you do at break time? - I play basketball.

(Bạn làm gì vào giờ giải lao? - Tôi chơi bóng rổ.)

+ What do you do at break time? - I play table tennis.

(Bạn làm gì vào giờ giải lao? - Tôi chơi bóng bàn.)

+ What do you do at break time? - I chat with my friend.

(Bạn làm gì vào giờ giải lao? - Tôi tán gẫu với bạn.)

+ What do you do at break time? - I play chess.

(Bạn làm gì vào giờ giải lao? - Tôi chơi cờ.)

#### 4. Listen and number.

(Nghe và đánh số.)



Lời giải chi tiết:

1. b 2. a 3. d 4. c

1. A: What do you do at break time? (*Bạn làm gì vào giờ giải lao?*)

B: I play football. (*Tôi chơi bóng đá.*)

2. A: What do you do at break time? (*Bạn làm gì vào giờ giải lao?*)

B: I play table tennis. (*Tôi chơi bóng bàn.*)

3. A: What do you do at break time? (*Bạn làm gì vào giờ giải lao?*)

B: I chat with my friends. (*Tôi tán gẫu với các bạn của mình.*)

4. A: What do you do at break time? (*Bạn làm gì vào giờ giải lao?*)

B: I do word puzzles. (*Tôi chơi giải ô chữ.*)

## **5. Read and match.**

(*Đọc và nối.*)



## What do you do at break time?

1. I play table tennis.

2. I play basketball.

3. I play volleyball.

4. I do word puzzles.



**Lời giải chi tiết:**

1 - b	2 - c	3 - d	4 - a
-------	-------	-------	-------

**1 - b:** I play table tennis. (*Tôi chơi bóng bàn.*)

**2 - c:** I play basketball. (*Tôi chơi bóng rổ.*)

**3 - d:** I play volleyball. (*Tôi chơi bóng chuyền.*)

**4 - a:** I play word puzzles. (*Tôi chơi giải ô chữ.*)

**6. Let's play.**

(*chúng ta cùng chơi.*)

**Miming game** (*Trò chơi: Diễn kịch câm*)

## Miming game



### Phương pháp giải:

**Cách chơi:** Một học sinh sẽ dùng hành động (không được dùng lời nói) để diễn tả hoạt động mà mình muốn diễn tả. Các bạn khác cố gắng đoán. Ví dụ, bạn trong hình dùng chân sút, các bạn khác sẽ đoán chơi đá bóng và nói “play football”.